

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Bình Trọng;
Ông Hà Sông Thao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST - HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phàng A Th, sinh ngày 14/8/1994, tại xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Bản công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phàng A Phênh, sinh năm 1966 và con bà Giàng Thị Dưa, sinh năm 1968.

Vợ: Tráng Thị Phạ, sinh năm 2000; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016 và con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/3/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

2. Phàng A BL, sinh ngày 26/3/1990, tại xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phàng A Phênh, sinh năm 1966 và con bà Giàng Thị Dưa, sinh năm 1968.

Vợ: Giàng Thị Máy, sinh năm 1991; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009 và con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Phàng A X, sinh ngày 05/3/1986, tại xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phàng A Tổng (Đã chết) và con bà Tráng Thị Chú, sinh năm 1938.

Vợ: Hồ A Dinh, sinh năm 1987; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007 và con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- **Bị hại:** Giàng A S, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1998; Trú tại: thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

- **Người có quyền lợi liên quan liên quan đến vụ án:** Giàng A C, sinh năm 1979; Trú tại: thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

- **Người làm chứng:**

- + Anh Giàng A Nữ, sinh năm 1975;
- + Anh Giàng A Sủ, sinh năm 1980;
- + Chị Tráng Thị Phạ, sinh năm 2000;
- + Anh Giàng A Dũng, sinh năm 1991;
- + Anh Giàng A Pàng, sinh năm 1979;
- + Anh Phàng A Nữ, sinh năm 1993;
- + Anh Tráng A Dao, sinh năm 1967;
- + Anh Giàng A Lang, sinh năm 1987;
- + Anh Giàng A Phong, sinh năm 1990.

Đều trú tại: thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phàng A Th là ông Hoàng Kim Cương – Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phàng A BL và Phàng A X là ông Hoàng Trọng Hồng – Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái (Có mặt).

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A Làng, cán bộ Chi cục THADS huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/01/2022 Phàng A BL, sinh năm 1990, Phàng A X, sinh năm 1986 và Phàng A Th, sinh năm 1994 cùng trú tại Bản Công, xã bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đi lên rừng xẻ gỗ (BL là anh trai ruột của Th còn X là chú

của BL và Th). Đến 19 giờ 30 phút về đến nhà Th, BL nghe thấy có tiếng nói chuyện từ trong nhà Th nên gọi cho vợ Th là Tráng Thị Ph ra mở cửa. Ph ra mở cửa, BL đi vào trong nhà rồi lấy điện thoại di động của mình ra soi trong nhà xem có người lạ đến nhà Th không. Quá trình soi BL phát hiện Giàng A S, sinh năm 1998 trú cùng thôn đang nằm dưới gầm giường ngủ của Th, BL hô to “Tao bắt được người rồi” Th và X cùng chạy vào nhà gọi S ra ngoài nhưng S không ra. Th nhấc giường lên thì S lao ra đâm một phát vào người Th, BL túm cổ áo S, X cầm tay trái S bẻ ra đằng sau lưng, Th tát ba phát vào mặt S và nói “Tao bảo mày không được tán vợ tao sao hôm nay mày đến đây làm gì”, rồi Th lấy một đoạn dây thừng có sẵn trong nhà trói hai tay S về phía trước và giữ S trong nhà chờ người nhà của S đến giải quyết. Khi trói được S, lúc này Phàng A N sinh năm 1993 (Anh trai ruột của Th) cũng có mặt tại nhà Th, N gọi điện thoại cho bố của S là ông Giàng A C, sinh năm 1979 trú cùng thôn, báo cho C biết việc S bị bắt tại nhà Th. Do bị ốm nên Giàng A C đã gọi điện cho Giàng A N, sinh năm 1975, Giàng A S1, sinh năm 1980 (Là anh em trai ruột của C) đến nhà Th để giải quyết. Khoảng 21 giờ N và S1 đến nhà Th, N nói: chuyện đã xảy ra rồi có gì nói chuyện sau, tôi xin nhận người, rồi N xin cởi dây trói cho S thì được Th đồng ý. Th yêu cầu S phải nộp phạt 30.000.000đ cho Th vì S đến tán vợ của Th và bị phát hiện. Sau đó chú của S là Giàng A L, sinh năm 1987 trú cùng thôn đến và nói việc này là lỗi của hai bên do đó mỗi người phải chịu một nửa tiền nhưng Th không đồng ý. Th lấy dây thừng trước đó mà Giàng A N đã cởi, tiếp tục trói hai tay S ra phía sau lưng rồi buộc S vào cột nhà (Cột giữa) và dùng dây quấn quanh bụng S một vòng, Th nói trước đây Th bỏ ra 30.000.000đ để cưới vợ nên yêu cầu S phải nộp đủ 30.000.000đ thì mới cho S về, nếu không có tiền sẽ cắt bộ phận sinh dục của S đi và không lấy tiền của S. Đến khoảng 5 giờ sáng ngày 18/01/2022, Giàng A N đem đủ số tiền 30.000.000đ để nộp cho Th, Th và N kiểm đếm số tiền trên tại nhà BL với sự chứng kiến của già làng Tráng A D. Sau khi Th nhận đủ tiền thì BL cởi trói cho S về nhà. Đến ngày 21/01/2022 Giàng A S làm đơn gửi đến Công an xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đề nghị giải quyết vụ việc trên. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu Phàng A Th, Phàng A BL và Phàng A X đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Cáo trạng số: 15/CT-VKS-TT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu truy tố Phàng A Th về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; Phàng A BL, Phàng A X về tội: “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu trình bày bản luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố đối với bị cáo Phàng A Th phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phàng A Th từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phàng A Th từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp chung của hai tội là 01 năm 10 tháng đến 02 năm 04 tháng tù.

Đối các bị cáo Phàng A BL và Phàng A X phạm tội Bắt người trái pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phàng A BL từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Xử phạt bị cáo Phàng A X từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hai bên gia đình tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng dài 4,2m, hai đầu có thắt nút, dây đã cũ, đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo Phàng A Th, Phàng A BL, Phàng A X là cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa các bị cáo Phàng A Th, Phàng A BL, Phàng A X thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng còn về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phàng A Th 6 (Sáu) tháng tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật; 01 (Một) năm tù về tội Cường đoạt tài sản. Tổng hợp chung cả hai tội là 1 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù.

Xử phạt các bị cáo Phàng A BL, Phàng A X mỗi bị cáo 6 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 (Một) năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử;

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, Phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/01/2022 tại nhà ở của Phàng A Th trú tại thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, Phàng A Th, Phàng A BL và Phàng A X phát hiện Giàng A S đang trốn dưới gầm giường nhà Th nên Th, BL và X đã có hành vi bắt S với mục đích hỏi S đến nhà Th để làm gì. Do Th nghi ngờ Giàng A S đến tán vợ của mình nên Phàng A Th đã dùng dây thừng trói tay S lại và giữ trong nhà mình rồi Th yêu cầu S phải nộp 30.000.000đ, nếu không có tiền nộp cho Th thì Th cắt bộ phận sinh dục của S. Đến khoảng 5 giờ sáng ngày 18/01/2022 tại nhà của Phàng A BL trú tại thôn Bản Công, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, Giàng A N là bác của S đã nộp số tiền 30.000.000đ cho Phàng A Th, sau khi nhận đủ số tiền Giàng A S mới được cởi trói cho về nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy Phàng A Th, Phàng A BL và Thào A X là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Từ hành vi nêu trên của Th đã phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật, còn đối với BL và X đã phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Sau khi bắt, giữ Giàng A S thì Phàng A Th yêu cầu S phải nộp phạt 30.000.000đ cho rằng việc S đến tán vợ mình. Từ hành vi nêu trên của Phàng A Th đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm trong việc bắt người trái pháp luật, nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp nhận ý trí và cùng nhau thực hiện tội phạm một cách tích cực. Vì vậy trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là ngang nhau.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật chưa đúng, các bị cáo nghĩ rằng việc bắt, giữ người và yêu cầu nộp tiền phạt là không vi phạm pháp luật, tuy nhiên hành vi của các bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân và quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương. Nên cần phải được xử lý nghiêm minh và có hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử căn cứ vào Bộ luật hình sự áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử cho bị

cáo Phàng A BL, Phàng A X được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo tại địa phương trở thành người công dân tốt và cũng góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Đối Phàng A Th là người phạm tội bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội. Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Các bị cáo Phàng A Th, Phàng A BL và Phàng A X là người chưa có tiền án, tiền sự thể hiện là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phàng A BL, Phàng A X Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội do lạc hậu và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, m, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra người bị hại còn có lỗi; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Phàng A Th Tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội do lạc hậu và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, m, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra người bị hại còn có lỗi; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, các bị cáo còn có thể bị xử phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người làm trồng trọt và không có chức vụ. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, bị cáo Phàng A Th còn có thể bị xử phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án. Đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng dài 4,2m, hai đầu có thắt nút, dây đã cũ, đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: Các bị cáo Phàng A Th, Phàng A BL và Phàng A X là cá nhân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Về những vấn đề khác: Già làng Tráng A D là người chứng kiến việc giao nhận tiền giữa Già làng A N và Phàng A Th, tuy nhiên ông D chỉ tham gia sau khi anh N (Đại diện phía gia đình Già làng A S) đã nhất trí nộp cho Th số tiền 30.000.000đ và nhờ già làng chứng kiến theo phong tục tập quán người Mông nên Tráng A D không đồng phạm với Th về tội Cường đoạt tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Phàng A Th phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cường đoạt tài sản”; Phàng A BL và Phàng A X phạm tội Bắt người trái pháp luật.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phàng A Th 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phàng A Th 1 (Một) năm tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp chung của hai tội là 1 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 31/3/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phàng A BL 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 (Một) năm.

Xử phạt Phàng A X 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 1 (Một) năm.

Giao Phàng A BL, Phàng A X cho UBND xã Bản Công, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp Phàng A BL, Phàng A X thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng dài 4,2m, hai đầu có thắt nút, dây đã cũ, đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ

khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phàng A Th, Phàng A BL và Phàng A X được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án (Giàng A C) có quyền kháng cáo bản án phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THA phạt tù;
- CCTHADS huyện Trạm Tấu;
- Các bị cáo; Người có QLLQĐVA;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Sở Tư pháp; Chi cục thuế;
- UBND xã Bản Công;
- L- u HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh